

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Vũ Thị Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Vương Văn Q**, sinh năm 1984.

Đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu K, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Triệu Thị Ng**, sinh năm 1982.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu K, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Trung Quốc. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị L – Sinh năm 1953. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 12 thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh **Vương Văn Q** trình bày: Anh và chị **Triệu Thị Ng** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 09/6/2003. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế

gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau và không có tiếng nói chung. Năm 2013, chị Ng bỏ đi làm ăn tại Trung Quốc, thời gian đầu thỉnh thoảng chị liên lạc về nhà, sau này không liên lạc nữa. Anh Q xác định chị Ng đi lao động tại Trung Quốc đến nay đã 6 - 7 năm, không quan tâm tới gia đình và không có ý định về nước đoàn tụ vợ chồng, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vương Thị Kim Ng, sinh ngày 03/8/2004 và Vương Duy Kh, sinh ngày 21/4/2007. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên và anh tự nguyện không yêu cầu chị Nga phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Trần Thị L (mẹ đẻ chị Nga) xác định, chị Ng hiện đang làm ăn, sinh sống tại Trung Quốc, gia đình không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị Nga vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại. Gia đình đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Ng biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình xác định đã thông báo cho chị Ng biết. Chị có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Q, nhất trí để anh Q nuôi cả hai con chung và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương nơi anh Q, chị Ng đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong cuộc sống vợ chồng anh Q, chị Nga thường xuyên xảy ra to tiếng, xích mích, vợ chồng không hòa thuận, gán bó. Chị Ng bỏ đi Trung Quốc làm ăn, anh Q cũng nay đây mai đó, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Q xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn và được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị L xác định đã nhận được các văn bản tố tụng và thông báo cho chị Ng biết về việc khởi kiện của anh Q, tuy nhiên do công việc bận nên chị Ng không về Việt Nam tham gia tố tụng được nên đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Nga có quan điểm nhất trí ly hôn và đề nghị anh Q nuôi cả hai con chung. Bà L xác định do tuổi cao, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đủ khả năng nuôi cả hai con chung của anh Q, chị Ng. Trường hợp anh Q, chị Ng không ai muốn nuôi con thì bà nhất trí nuôi cả hai cháu ngoại, không yêu cầu anh Q, chị Ng cấp dưỡng cho con.

Con chung của anh Q, chị Ng là Vương Thị Kim Ng và Vương Duy Kh đều có nguyện vọng được ở với chị Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vương Văn Q sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Triệu Thị Ng có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu K, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống và làm ăn tại Trung Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Ng tại Trung Quốc. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị Ng cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Ng biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Q và chị Ng nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bà L và chị P vẫn thường xuyên liên lạc với Chị Ng. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho chị Ng biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh Quyền và chị. Do Hội thẩm nhân dân là ông Phạm Công Đ và Nguyễn Văn Khóa không thể tham gia phiên tòa nên Tòa án đã phân công ông Nguyễn Đức Hạnh, bà Vũ Thị Dung tham gia xét xử vụ án và được các đương sự nhất trí. Tại phiên tòa, chị Nga vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Văn Q và chị Triệu Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là phường T, thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương vào ngày 09/6/2003, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa thuận, gấn bó và thường xảy ra xô xát, to tiếng với nhau. Chị Ng bỏ đi Trung Quốc làm ăn đã 6 - 7 năm, vợ chồng sống ly thân không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Thông qua gia đình, chị Ng cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q, chị Ng đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Q được ly hôn chị Ng là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Vương Văn Q và chị Triệu Thị Ng có hai con chung là Vương Thị Kim Ng, sinh ngày 03/8/2004 và Vương Duy Kh, sinh ngày 21/4/2007. Hiện các con chung đang sinh sống cùng bà ngoại là Trần Thị L. Xét thấy, anh Q hiện đang làm xây dựng tại địa phương, có thu nhập, có chỗ ăn ở ổn định. Mặc dù các con chung có nguyện vọng ở với chị Nga nhưng hiện chị Nga đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Hơn nữa chị Ng có quan điểm nhất trí để anh Q nuôi con cho đến khi thành niên. Bà L cũng xác định do tuổi cao, kinh tế khó khăn nên đề nghị anh Q trực tiếp nuôi con chung. Do vậy, HĐXX cần chấp nhận giao con chung Vương Thị Kim Ng và Vương Duy Kh cho anh Quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Quyền không yêu cầu chị Nga phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh Vương Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vương Văn Q. Xử cho anh Vương Văn Q ly hôn chị Triệu Thị Ng.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Vương Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vương Thị Kim Ng, sinh ngày 03/8/2004 và Vương Duy Kh, sinh ngày 21/4/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Triệu Thị Ng thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Vương Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002660 ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vương Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Triệu Thị Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân